TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 05/6/2020.
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt
2. Bà Huỳnh Như Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2020, về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn B; Sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Kiều P; Sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày như sau: Ông và bà Huỳnh Thị Kiều P kết hôn với nhau vào năm 2007 nhưng đến năm 2008 thì mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng kết hôn ngày 16/02/2008. Sau khi kết hôn sống với nhau rất hạnh phúc được một thời ngắn đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường hay cãi nhau cho nên ông và bà P đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông và bà P có một người con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/9/2008 và hiện nay

con chung đang sống với ông. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Nay ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kiều P. Về con chung: Ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị N đến khi tròn 18 tuổi và không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Kiều P, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P nhưng bà P không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 25/12/2019, ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Huỳnh Thị Kiều P có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Thị Kiều P vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn B:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị Kiều P tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng kết hôn ngày 16/02/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà P là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng bất đồng ý kiến thường hay cãi nhau và mâu thuẫn kéo dài đến năm 2010 thì

vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông Nguyễn Văn B làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng ông B, bà P đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía bà P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị Kiều P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc ông B xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị Kiều P có một người con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/9/2008 và hiện nay cháu N đang sống với ông B. Ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên. Xét yêu cầu của ông B là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của ông B và phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/9/2008 cho ông Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[4.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn B xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng con nên không yêu cầu bà Huỳnh Thị Kiều P cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc bà Huỳnh Thị Kiều P cấp dưỡng cho cháu N.

[4.4] Tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Kiều P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Huỳnh Thị Kiều P vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kiều P.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị Kiều P là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/9/2008 đến khi thành niên (hiện nay cháu N đang sống chung với ông B).

- Bà Huỳnh Thị Kiều P có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Thị N mà không ai được cản trở. Bà Huỳnh Thị Kiều P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Thị N của ông Nguyễn Văn B.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001995, ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, ông Nguyễn Văn B đã thực hiện xong.

- Bà Huỳnh Thị Kiều P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Kiều P vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lý Công Minh